TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **140**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22-7-2020
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thể.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Hồng Hải.

2. Ông Phạm Đình Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 23/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/02/2020 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1985. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn H, sinh năm: 1985. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Th, thị trấn Đ, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt - nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H tổ chức xây dựng gia đình năm 2006, được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 06/01/2006. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc; nguyên nhân do anh H không lo làm ăn, cờ bạc và không quan tâm đến gia đình, vợ con. Ngày 20/7/2017, chị đã làm đơn ly hôn và được Tòa án hòa giải đoàn tụ; tuy nhiên anh H không thay đổi mà vẫn đam mê cờ

bạc, ham chơi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể giải quyết được. Sau khi làm đơn ly hôn, chị và hai con về nhà mẹ ruột sinh sống; đến nay chị nhận thấy tình cảm giữa chị và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh H có hai con chung tên Nguyễn Tấn K, sinh ngày 20/7/2006 và Nguyễn Lê Ngọc M, sinh ngày 15/3/2012. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi hai con và yêu cầu anh H cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/01 tháng/01 cháu).

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 18/02/2020, bị đơn - anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh thống nhất với chị N về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như chị N đã trình bày là đúng. Tuy nhiên, anh vẫn còn thương yêu vợ con nên đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Tấn K, sinh ngày 20/7/2006 và Nguyễn Lê Ngọc M, sinh ngày 15/3/2012.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81 và Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị N được ly hôn với anh H và giao con chung cho chị N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nyêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm của cả hai vợ chồng nên yêu cầu của chị N là có cơ sở; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nơi cư trú của anh H tại Tổ dân phố Th, thị trấn Đ, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam; chị N yêu cầu ly hôn và nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; do đó Hội đồng xét xử

căn cứ khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 06/01/2006 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa chị N và anh H sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo chị N nguyên nhân là do anh H không lo làm ăn, cờ bạc và không quan tâm đến gia đình, vợ con. Năm 2017, chị đã yêu cầu ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn hòa giải đoàn tụ; tuy nhiên anh H vẫn tiếp tục cờ bạc và không quan tâm đến gia đình, vợ con nên mâu thuẫn không thể giải quyết được và anh H cũng thừa nhận là đúng.

Tại biên bản xác minh ngày 10/02/2020, UBND thị trấn Đ cung cấp: *"...địa phương không rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và anh H"*. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H vắng mặt, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Hiện nay, chị N với anh H không còn chung sống với nhau, chị N và các con đã về nhà mẹ ruột sinh sống. Điều này thể hiện mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa anh H và chị N không thể hòa giải được, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ và áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[3] Về nuôi con: Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Anh H yêu cầu được đoàn tụ nên không có ý kiến gì về việc nuôi con. Theo kết quả xác minh tại UBND thị trấn Đ ngày 10/02/2020 thì hiện nay địa phương không rõ điều kiện nuôi con của hai anh chị. Tại biên biên lấy lời khai ngày 07/5/2020 và đơn xin xét xử vắng mặt, chị N trình bày hiện chị đang làm nghề trông giữ trẻ thu nhập ổn định mỗi tháng từ 04 – 05 triệu đồng đủ điều kiện để nuôi con và cháu K, cháu M đang do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt và sự phát triển về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu K, cháu M cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Hội đồng xét xử xét thấy trách nhiệm nuôi con là nghĩa vụ chung của cha mẹ đối với con cái và tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con"* nên yêu cầu của chị N là hợp lý, có căn cứ cần chấp nhận. Do đó, áp dụng Điều 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị N.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị Tuyết N phải chịu án phí ly hôn và anh Nguyễn Văn H phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và Gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tuyết N về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tấn K, sinh ngày 20/7/2006 và Nguyễn Lê Ngọc M, sinh ngày 15/3/2012 cho chị Lê Thị Tuyết N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng *(1.000.000 đồng/01 tháng/01 cháu),* thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi cháu K, cháu M đủ tuổi thành niên *(đủ 18 tuổi)*.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí Hôn nhân gia đình: 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, chị Lê Thị Tuyết N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007202 ngày 06/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, buộc anh Nguyễn Văn H phải chịu.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã Quế Thuận, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Thể